

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH

**Bổ sung một số nội dung theo ý kiến thẩm tra
của Ban Kinh tế - ngân sách HĐND Thành phố về việc sử dụng
nguồn cải cách tiền lương để chi đầu tư phát triển năm 2024
cho các quận: Hoàn Kiếm, Thanh Xuân, Bắc Từ Liêm.**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được Báo cáo thẩm tra số 117/BC-BKTNS ngày 03/10/2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND Thành phố đối với Dự thảo Nghị quyết về sử dụng nguồn cải cách tiền lương để chi đầu tư phát triển năm 2024 cho các quận: Hoàn Kiếm, Thanh Xuân, Bắc Từ Liêm.

UBND Thành phố thống nhất, tiếp thu các ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách trong quá trình triển khai thực hiện và báo cáo bổ sung, làm rõ thêm một số nội dung theo đề nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách, cụ thể như sau:

1. Về nội dung đề nghị:

1.1. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách: Số liệu rà soát cụ thể về nguồn cải cách tiền lương (CCTL) của ngân sách từng quận để chứng minh việc đảm bảo đủ nguồn cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách (hiện nay đến hết năm 2025).

UBND Thành phố báo cáo, giải trình bổ sung như sau:

- Quận Hoàn Kiếm: Tổng nguồn CCTL dự kiến giai đoạn 2024-2025 là 2.955.089 triệu đồng (bao gồm nguồn CCTL năm 2023 còn dư chuyển sang), dự kiến nhu cầu CCTL giai đoạn 2024-2025 thực hiện chính sách an sinh xã hội, chế độ tiền thưởng và chính sách tăng thu nhập theo quy định của Luật Thủ đô là 696.884 triệu đồng. Số dư nguồn CCTL: 2.258.205 triệu đồng.

- Quận Thanh Xuân: Tổng nguồn CCTL dự kiến giai đoạn 2024-2025 (bao gồm nguồn CCTL còn dư năm 2023 chuyển sang) là 1.601.911 triệu đồng; dự kiến nhu cầu CCTL giai đoạn 2024-2025 dự kiến nhu cầu CCTL giai đoạn 2024-2025 thực hiện chính sách an sinh xã hội, chế độ tiền thưởng và chính sách tăng thu nhập theo quy định của Luật Thủ đô là 661.976 triệu đồng. Số dư nguồn CCTL: 939.935 triệu đồng.

- Quận Bắc Từ Liêm: Tổng nguồn CCTL dự kiến giai đoạn 2024-2025 (bao gồm nguồn CCTL còn dư năm 2023 chuyển sang) là 2.237.322 triệu đồng, dự kiến nhu cầu CCTL giai đoạn 2024-2025 thực hiện chính sách an sinh xã hội, chế độ tiền thưởng và chính sách tăng thu nhập theo quy định của Luật Thủ đô là 709.592 triệu đồng. Số dư nguồn CCTL: 1.527.730 triệu đồng.

1.2. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách: Các nhiệm vụ, dự án đầu tư công dự kiến sử dụng khoản kinh phí này và thông tin cụ thể về thủ tục đầu tư, dự kiến các nội dung, tiến độ thực hiện và giải ngân trong điều kiện từ nay đến hết năm ngân sách, chỉ còn chưa đầy 3 tháng để triển khai các công việc; đặc biệt với quận Bắc Từ Liêm, hiện có tỷ lệ giải ngân vốn ngân sách quận thấp hơn mức trung bình của Thành phố (theo báo cáo của Kho bạc nhà nước thành phố, đến hết 30/9/2024 quận Bắc Từ Liêm mới giải ngân được 30,67% kế hoạch vốn đầu tư của năm 2024 và còn hơn 876,8 tỷ đồng chưa giải ngân); quận Thanh Xuân hết 9 tháng cũng mới chỉ giải ngân được 55,07% kế hoạch vốn cả năm 2024, còn hơn 382 tỷ đồng nữa của dự toán đã giao cần giải ngân.

UBND Thành phố báo cáo, giải trình bổ sung như sau:

Các quận đã dự kiến danh mục dự án đề xuất phân bổ từ nguồn CCTL quận, trong đó quận Hoàn Kiếm 25 dự án, Thanh Xuân 02 dự án, Bắc Từ Liêm 21 dự án. Các dự án đã được UBND quận phê duyệt dự án, đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2024 của quận.

Đối với quận Hoàn Kiếm: do các dự án đẩy nhanh tiến độ, tiến độ giải ngân đã đạt 100% kế hoạch; để đảm bảo nguồn vốn tiếp tục giải ngân trong năm 2024 theo tiến độ dự án. Đối với quận Thanh Xuân, Bắc Từ Liêm: các dự án đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công năm 2024, tuy nhiên nguồn thu của quận dự kiến không đạt dự toán giao. Để chủ động đảm bảo đủ nguồn vốn thanh toán cho các dự án theo tiến độ giải ngân các quận cam kết trên 95% năm 2024, UBND Thành phố đề xuất HĐND Thành phố cho phép quận sử dụng nguồn CCTL còn dư sau khi đã đảm bảo nguồn thực hiện CCTL (bao gồm 10% quỹ lương để thực hiện chế độ tiền thưởng, thực hiện chính sách tăng thu nhập theo quy định của Luật Thủ đô và các chính sách an sinh xã hội) để chi đầu tư cho các dự án theo quy định. Sau khi được HĐND Thành phố cho phép, UBND các quận trình HĐND quận phân bổ từ nguồn CCTL cho các dự án đầu tư trên cơ sở tiến độ thực hiện dự án để đảm bảo sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.

(chi tiết danh mục và tiến độ thực hiện dự án tại Phụ lục Kèm theo)

2. Dự thảo Nghị quyết

Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách: Dự thảo Nghị quyết gửi kèm phù hợp với nội dung Tờ trình số 359/TTr-UBND ngày 02/10/2024 của UBND Thành

phố. Trên cơ sở báo cáo giải trình bổ sung của UBND Thành phố đủ điều kiện để HĐND Thành phố quyết nghị, Ban đề nghị cập nhật nội dung này trong cùng Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024.

UBND Thành phố báo cáo bổ sung như sau:

UBND Thành phố tiếp thu và cập nhật nội dung cho phép 03 quận sử dụng nguồn cải cách tiền lương để chi đầu tư phát triển năm 2024 vào dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024.

UBND Thành phố kính báo cáo HĐND Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để báo cáo);
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND TP;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, các PCVP, KTTH;
- Lưu: VT, KTTH_{Thái}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Minh Hải

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG CỦA UBND QUẬN HOÀN KIẾM

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế thanh toán đến hết năm 2023			TH 9 tháng 2024	khối lượng đã thực hiện từ đầu khởi công đến nay (lưu ý tổng hợp khối lượng đã thanh toán và chưa thanh toán)		Kế hoạch vốn đã bố trí năm 2024	KH vốn dự kiến điều chỉnh năm 2024	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn CCTL	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Lũy kế đến hết năm 2022	TH năm 2023		Tổng	Trong đó: Năm 2024				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG	25					1.168.109	197.121	57.318	139.803	240.006	505.611	308.490	263.343	586.756	300.000	
I	Dự án chuyển tiếp	6						196.921	57.318	139.603	197.453	446.021	249.100	202.029	367.810	164.000	
1	Xây dựng trường Mầm non Mặt trời bé thơ, quận Hoàn Kiếm	1	Nhà gỗ số 7, 8 Chương Dương	2022-2025	Xây dựng mới, đầu tư trang thiết bị	5594 18/10/21	54.555	19.394	495	18.899	6.847	39.394	20.000	7.814	27.800	20.000	Vượt tiến độ, dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng tháng 10/2024; bổ sung vốn theo khối lượng hoàn thành
2	Xây dựng trường Tiểu học Võ Thị Sáu, quận Hoàn Kiếm	1	43F, 47C Ngõ Quyền, 36A Trần Hưng Đạo và 13 Phan Huy Chú	2023-2026	Xây dựng mới, đầu tư trang thiết bị	3001 19/8/22	387.519	24.671	1.000	23.671	161.680	186.371	161.700	162.950	268.000	105.000	Dự án GPMB tại 2 địa điểm. Đã xin được cơ chế đặc thù cả hai địa điểm; kế hoạch vốn bố trí thực hiện GPMB địa điểm 36A Trần Hưng Đạo; đang thực hiện GPMB tại 13 Phan Huy Chú, cần thiết bổ sung vốn để chi trả cho các hộ dân tại 13 Phan Huy Chú; khởi công tại địa điểm 36A Trần Hưng Đạo
3	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm	1	36 Nguyễn Văn Tổ	2021-2024	GPMB, Xây dựng mới trụ sở, đầu tư trang thiết bị làm việc;	1959 14/5/21	60.329	38.891	392	38.499	4.942	49.891	11.000	7.185	11.610	5.000	Vượt tiến độ, dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng tháng 10/2024; bổ sung vốn theo khối lượng hoàn thành
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công an quận Hoàn Kiếm	1	Số 2 Tràng Thi	2021-2024	Cải tạo, nâng 01 tầng trên diện tích hiện trạng	2646 30/10/19, 221 19/01/21, 4306 16/12/22	66.450	49.852	24.452	25.400	4.940	66.352	16.500	5.000	16.500	11.000	Dự án có phát sinh, đã hoàn thành thủ tục, bổ sung vốn để thanh toán khối lượng; quyết toán dự án năm 2024
5	Xây dựng, cải tạo trường Mầm non 1-6 tại địa điểm 38 Thuộc Bắc và 23 Nguyễn Quang Bích, quận Hoàn Kiếm	1	38 Thuộc Bắc, 23 Nguyễn Quang Bích	2022-2025	Xây dựng mới tại 38 Thuộc Bắc 01 tầng hầm, 3-4 tầng, thang máy; 23 Nguyễn Quang Bích cải tạo sửa chữa; đầu tư thiết bị	3055 12/7/21	48.995	31.323	14.231	17.091	7.055	41.323	10.000	7.080	14.000	6.000	Dự án có phát sinh, đã hoàn thành thủ tục, bổ sung vốn để thanh toán khối lượng; quyết toán dự án năm 2024
6	Xây dựng, cải tạo trường Mầm non Năng Mai, quận Hoàn Kiếm	1	53-55 Hàng Giấy & 45 Hàng Đậu	2022-2025	Xây dựng, cải tạo trên diện tích hiện trạng	2403 13/6/22	70.156	32.790	16.748	16.042	11.990	62.690	29.900	12.000	29.900	17.000	Dự án có phát sinh, đã hoàn thành thủ tục, bổ sung vốn để thanh toán khối lượng; quyết toán dự án năm 2024

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế thanh toán đến hết năm 2023			TH 9 tháng 2024	khối lượng đã thực hiện từ đầu khởi công đến nay (lưu ý tổng hợp khối lượng đã thanh toán và chưa thanh toán)		Kế hoạch vốn đã bố trí năm 2024	KH vốn dự kiến điều chỉnh năm 2024	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn CCTL	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Lũy kế đến hết năm 2022	TH năm 2023		Tổng	Trong đó: Năm 2024				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
II	Dự án khởi công mới năm 2024	16						200	-	200	42.553	59.590	59.390	59.914	183.000	122.400	
1	Xây dựng, cải tạo trường THPT Việt Đức, quận Hoàn Kiếm	1	47 Lý Thường Kiệt	2024-2028	Cải tạo, sửa chữa khối nhà A, D; Xây dựng mới có 01 tầng hầm khối nhà còn lại; đầu tư thiết bị; GPMB các hộ dân trong khuôn viên trường	1778 15/7/24	293.816	-			847	1.000	1.000	1.000	81.000	80.000	Dự án đã được phê duyệt dự án đầu tư tháng 7/2024, bổ sung vốn để thực hiện dự án
2	Sửa chữa, chống xuống cấp trường Tiểu học Tràng An, quận Hoàn Kiếm	1	29 Nhà Chung	2024-2026	Sửa chữa, chống xuống cấp; đầu tư thiết bị dạy và học	1351 31/5/24	14.612	-			3.797	7.000	7.000	8.000	11.000	3.000	Vượt tiến độ, bổ sung để mở thầu gói thiết bị
3	Sửa chữa, chống xuống cấp trường Tiểu học Trần Quốc Toản, quận Hoàn Kiếm	1	33 Nhà Chung	2024-2025	Sửa chữa, chống xuống cấp; đầu tư thiết bị dạy và học	1354 31/5/24	14.380	-			5.611	7.000	7000	8.000	10.100	2.000	Vượt tiến độ, bổ sung để mở thầu gói thiết bị
4	Sửa chữa, chống xuống cấp trường Mầm non Hoa Hồng, quận Hoàn Kiếm	1	52 Hàng Điều và 8 Đường Thành	2024-2026	Sửa chữa, chống xuống cấp trên diện tích hiện trạng và bổ sung trang thiết bị dạy và học	949 19/4/24	24.514				6.731	6.000	6.000	8.804	14.000	5.000	Bổ sung vốn để thực hiện mở thầu gói thiết bị
5	Tu bổ, tôn tạo đình Thanh Hà, quận Hoàn Kiếm	1	10 Ngõ Gạch	2022-2024	Tu bổ, tôn tạo trên diện tích hiện trạng	1824 28/8/23	14.360	200		200	3.384	5.200	5.000	3.500	8.000	4.500	Bổ sung vốn để quyết toán dự án hoàn thành
6	Sửa chữa, chống xuống cấp trạm y tế phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm	1	87-89 Thuốc Bắc	2024-2025	Sửa chữa, chống cấp trên diện tích hiện trạng; đầu tư trang thiết bị	303 27/02/24	2.017				811	1.400	1.400	1.400	1.800	400	Bổ sung quyết toán dự án hoàn thành
7	Sửa chữa, chống xuống cấp trạm y tế phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm	1	101 Hàng Bạc	2024-2025	Sửa chữa, chống cấp trên diện tích hiện trạng; đầu tư trang thiết bị	305 27/02/24	1.743				973	1.100	1.100	1.200	1.600	400	Bổ sung quyết toán dự án hoàn thành
8	Sửa chữa, chống xuống cấp trạm y tế phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm	1	16 Lương Văn Can	2024-2025	Sửa chữa, chống cấp trên diện tích hiện trạng; đầu tư trang thiết bị	304 27/02/24	1.724				816	1.100	1.100	1.200	1.600	400	Bổ sung quyết toán dự án hoàn thành
9	Sửa chữa, chống xuống cấp trạm y tế phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm	1	40 Trần Nhật Duật	2024-2025	Sửa chữa, chống cấp trên diện tích hiện trạng; đầu tư trang thiết bị	306 27/02/24	1.685				927	1.200	1.200	1.300	1.500	200	Bổ sung quyết toán dự án hoàn thành

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế thanh toán đến hết năm 2023			TH 9 tháng 2024	khối lượng đã thực hiện từ đầu khởi công đến nay (lưu ý tổng hợp khối lượng đã thanh toán và chưa thanh toán)		Kế hoạch vốn đã bố trí năm 2024	KH vốn dự kiến điều chỉnh năm 2024	Trong đó: dự kiến bổ từ nguồn CCTL	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Lũy kế đến hết năm 2022	TH năm 2023		Tổng	Trong đó: Năm 2024				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
10	Cải tạo một số ngõ trên địa bàn các phường Hàng Bạc, Cửa Đông, Hàng Mã, Đồng Xuân, Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm	1	Quận Hoàn Kiếm	2024-2025	Cải tạo mặt ngõ, hệ thống thoát nước; hạ ngầm đường dây đi nổi (chỉ sắp xếp đối với các ngõ không đủ điều kiện hạ ngầm)	950 19/4/24	11.716				3.561	3.500	3.500	4.200	8.500	4.100	Dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng tháng 12/2024; bổ sung vốn theo khối lượng hoàn thành
11	Cải tạo, sửa chữa các nhà sinh hoạt cộng đồng phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm	1	09 điểm sinh hoạt cộng đồng	2024-2025	Cải tạo, sửa chữa 09 địa điểm trên diện tích hiện trạng; sửa chữa, thay thế, bổ sung thiết bị	942 17/4/24	11.768				4.199	9.000	9.000	4.200	9.000	4.800	Bổ sung vốn để quyết toán năm 2024
12	Sửa chữa, chống xuống cấp Đàng ủy - UBND phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm	1	28 Mã Mây, 20 Hàng Chĩnh	2024-2026	Sửa chữa, chống xuống cấp trên diện tích hiện trạng, đầu tư trang thiết bị làm việc	1305 27/5/24	11.555				2.819	4.000	4.000	4.610	10.000	5.300	Bổ sung vốn để thực hiện mở thầu gói thiết bị; dự kiến công trình bàn giao đưa vào sử dụng tháng 12/2024
13	Sửa chữa, chống xuống cấp Đàng ủy - UBND phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm	1	106 Hàng Bông	2024-2026	Sửa chữa, chống xuống cấp trên diện tích hiện trạng, đầu tư trang thiết bị làm việc	1306 27/5/24	12.294				3.057	4.000	4.000	4.910	10.000	5.000	Bổ sung vốn để thực hiện mở thầu gói thiết bị; dự kiến công trình bàn giao đưa vào sử dụng tháng 12/2024
14	Cải tạo hệ thống chiếu sáng các ngõ, ngách thuộc phường Chương Dương, phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm	1	P. Chương Dương, Phúc Tân	2024-2025	Đầu tư hệ thống chiếu sáng đảm bảo giao thông cho người dân	1356 31/5/24	13.248				3.124	5.000	5.000	5.500	10.000	4.500	Bổ sung vốn theo khối lượng hoàn thành. Hoàn thành năm 2024
15	Sửa chữa, chống xuống cấp 03 nhà vệ sinh công cộng trên tuyến phố Phùng Hưng, quận Hoàn Kiếm	1	Phố Phùng Hưng	2024-2025	Cải tạo, sửa chữa trên diện tích hiện trạng	1495 14/6/24	3.965				1.895	3.000	3.000	2.000	3.000	1.000	Công trình quyết toán năm 2024
16	Tu bổ, tôn tạo đền Hòa Thân, quận Hoàn Kiếm (giai đoạn 2)	1	30 Hàng Điều	2024-2026	Tu bổ, tôn tạo trên diện tích hiện trạng	2405 20/9/24	4.409					90	90	90	1.900	1.800	Bổ sung mở thầu
III	Dự án mới bổ sung năm 2024	3						-	-	-	-	-	-	1.400	35.946	13.600	
1	Sửa chữa, chống xuống cấp trường THCS Trưng Vương	1	26 Hàng Bài	2024-2025	Sửa chữa, chống xuống cấp; đầu tư thiết bị dạy và học	130 17/6/24	13.919	-						400	5.000	4.600	Bổ sung vốn để thực hiện dự án

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế thanh toán đến hết năm 2023			TH 9 tháng 2024	khối lượng đã thực hiện từ đầu khởi công đến nay (lưu ý tổng hợp khối lượng đã thanh toán và chưa thanh toán)		Kế hoạch vốn đã bố trí năm 2024	KH vốn dự kiến điều chỉnh năm 2024	Trong đó: dự kiến bố trí từ nguồn CCTL	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Lũy kế đến hết năm 2022	TH năm 2023		Tổng	Trong đó: Năm 2024				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2	Cải tạo một số ngõ trên địa bàn phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm	1	ngõ 182; 210; 229; 256; 267; 349 Bạch Đằng và 819; 823 Hồng Hà;	2024-2025	Cải tạo mặt ngõ, hệ thống thoát nước	2411 23/9/24	14.310	-						500	5.000	4.500	Bổ sung vốn để thực hiện dự án
3	Cải tạo một số ngõ trên địa bàn phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm	1	ngõ 301; 203; 195 Hồng Hà; 01 Phúc Tân và 83 Bảo Linh	2024-2025	Cải tạo mặt ngõ, hệ thống thoát nước	2412 23/9/24	14.069	-						500	5.000	4.500	Bổ sung vốn để thực hiện dự án

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG CỦA UBND QUẬN THANH XUÂN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế thanh toán đến hết tháng 9/2024				khối lượng đã thực hiện từ đầu khởi công đến nay (lưu ý tổng hợp khối lượng đã thanh toán và chưa thanh toán)		Đã bố trí kế hoạch vốn KH 2024	KH vốn dự kiến điều chỉnh năm 2024	Đề xuất sử dụng nguồn CCTL năm 2024	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Lũy kế đến hết năm 2022	TH năm 2023	TH 9 tháng 2024	Tổng	Trong đó: Năm 2024				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG	2					340.603	113.735	10.885	39.210	63.639	110.027	65.700	118.436	116.769	116.769	
1	Dự án chuyển tiếp	1					99.782	22.769	1.649	1.727	19.393	23.197	19.588	38.000	38.000	38.000	
1	Xây mới trường Mầm non tại phường Phương Liệt	1	Phường Phương Liệt	2021-2025	Xây mới	2538/QĐ-UBND ngày 07/10/2020	99.782	22.769	1.649	1.727	19.393	23.197	19.588	38.000	38.000	38.000	-Kế hoạch đã bố trí: Dự án đã được bố trí 38 tỷ đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 09/7/2024 của UBND quận Thanh Xuân, tuy nhiên do lặt thu tiền sử dụng đất. UBND Quận đề xuất giảm chi nguồn sử dụng đất và bố trí bổ sung từ Nguồn CCTL 38 tỷ đồng. - Tiến độ thực hiện dự án: Dự án khởi công từ ngày 01/7/2024 và đến nay đang triển khai thi công (nhà tạm, cọc, tầng hầm và kết cấu móng cos +00 khối nhà chính và trạm biến áp) hoàn thành khoảng 20% khối lượng, UBND Quận dự kiến đến 31/01/2025 tiếp tục thi công (phần kết cấu thân) đạt 35%. Như vậy tính đến 31/01/2025 đạt tổng 55% khối lượng, dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng quý IV/2025.
							240.821	90.965	9.236	37.483	44.246	86.830	46.112	80.436	78.769	78.769	
1	Dự án mới	1															
1	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Trần Hưng Đạo, quận Thanh Xuân	1	Phường Thanh Xuân Nam	2021-2025	Cải tạo, xây mới	659/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	240.821	90.965	9.236	37.483	44.246	86.830	46.112	80.436	78.769	78.769	-Kế hoạch đã bố trí: Dự án đã được bố trí 80,436 tỷ đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 09/7/2024 của UBND quận Thanh Xuân, tuy nhiên do lặt thu tiền sử dụng đất và bố trí bổ sung từ Nguồn CCTL 78,769 tỷ đồng. - Tiến độ thực hiện dự án: Dự án khởi công từ ngày 15/11/2023 và đến nay đã hoàn thành thi công (nhà tạm, cọc, kết cấu tầng hầm khối nhà A1, B, nhà đa năng và tầng 3 nhà A1) hoàn thành khoảng 25% khối lượng, UBND Quận dự kiến đến 31/01/2025 tiếp tục thi công (phần kết cấu thân, mái) đạt 40%. Như vậy tính đến 31/01/2025 đạt tổng 65% khối lượng, dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng quý IV/2025.

Ghi chú: Số liệu cập nhật đến 30/9/2024

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG CỦA UBND QUẬN BẮC TỪ LIÊM

n vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế thanh toán đến thời điểm báo cáo				khối lượng đã thực hiện từ đầu khởi công đến nay (lưu ý tổng hợp khối lượng đã thanh toán và chưa thanh toán)		Đã bố trí kế hoạch vốn KH 2024	KH vốn dự kiến điều chỉnh năm 2024	Đề xuất sử dụng nguồn CCTL năm 2024	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Lũy kế đến hết năm 2022	TH năm 2023	TH 9 tháng 2024	Tổng	Trong đó: Năm 2024				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG	21					2.766.324	441.904	121.307	151.931	168.666	528.307	255.069	505.000	420.000	420.000	
I	Dự án chuyển tiếp	13						440.449	121.307	151.861	167.281	526.296	253.128	495.000	303.000	303.000	
1	Xây dựng đường tổ dân phố Hạ phường Tây Tựu (đoạn từ đường 32 đi 23 đến đường vào khu 85ha)	1	Tây Tựu	2022-2024	Xây dựng đồng bộ tuyến đường và hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, chiều dài tuyến khoảng 900 m, mặt cắt ngang B=17 m	2198/QĐ-UBND, '9/8/2022	163.626	50.420	16.000	25.500	8.920	56.320	14.820	30.000	30.000	30.000	Dự án đã thi công khoảng 55%, đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
2	Xây dựng đường theo quy hoạch trong khu đô thị Ecohome	1	Đông ngạc	2022-2024	Xây dựng đồng bộ tuyến đường và hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, chiều dài tuyến khoảng 350 m, mặt cắt ngang B=15,5 m	2203/QĐ-UBND, '10/8/2022	46.257	20.580	6.000	10.493	4.087	25.580	9.087	15.000	15.000	15.000	Dự án đã thi công khoảng 50%, đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế thanh toán đến thời điểm báo cáo				khối lượng đã thực hiện từ đầu khởi công đến nay (lưu ý tổng hợp khối lượng đã thanh toán và chưa thanh toán)		Đã bố trí kế hoạch vốn KH 2024	KH vốn dự kiến điều chỉnh năm 2024	Đề xuất sử dụng nguồn CCTL năm 2024	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Lũy kế đến hết năm 2022	TH năm 2023	TH 9 tháng 2024	Tổng	Trong đó: Năm 2024				
3	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Đức Diên đi khu thiết chế công phường Phú Diễn	1	Phú Diễn	2022-2024	L=703m, B=17m	2862/QĐ-UBND,	107.292	26.967	14.510	2.300	10.157	41.561	24.751	40.000	40.000	40.000	Dự án đã thi công khoảng 80%, đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
4	Xây dựng tuyến đường từ khu liên cơ quan quận Bắc Từ Liêm đến đường Tây Thăng Long	1	Tây Từ	2022-2024	L= 340 m, g B=17 m	2863/QĐ-UBND, '16/9/2022	58.701	21.839	9.957	8.755	3.127	28.893	10.181	15.000	15.000	15.000	Dự án đã thi công khoảng 80%, đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
5	Xây dựng đường vào KCN Nam Thăng Long (qua Viện chăn nuôi đến sông Nhuệ, Thụy Phương), quận Bắc Từ Liêm	1	Thụy Phương	2022-2025	Xây dựng đồng bộ tuyến đường và hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, chiều dài tuyến khoảng 790 m, mặt cắt ngang B=17,5 m	717/QĐ-UBND, '3/4/2023	98.413	17.467		15.900	1.567	22658	6.758	10.000	10.000	10.000	Dự án đã khởi công, đang thực hiện GPMB, đang thi công khoảng 15% khối lượng
6	Xây dựng tuyến đường từ đường 70 quy hoạch đi đường Phú Minh (qua trường mầm non Minh Khai) quận Bắc Từ Liêm	1	Minh Khai	2022-2024	Xây dựng đồng bộ tuyến đường và hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, chiều dài tuyến khoảng 1.185 m, mặt cắt ngang B=17 m	1692/QĐ-UBND, '27/6/2023	105.197	15.840	0	13.000	2.840	19865	6.865	30.000	30.000	30.000	Dự án đã thi công khoảng 35%, đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế thanh toán đến thời điểm báo cáo				khối lượng đã thực hiện từ đầu khởi công đến nay (lưu ý tổng hợp khối lượng đã thanh toán và chưa thanh toán)		Đã bố trí kế hoạch vốn KH 2024	KH vốn dự kiến điều chỉnh năm 2024	Đề xuất sử dụng nguồn CCTL năm 2024	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Lũy kế đến hết năm 2022	TH năm 2023	TH 9 tháng 2024	Tổng	Trong đó: Năm 2024				
7	Cải tạo, mở rộng ngõ 193 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn	1	Phú Diễn	2022-2024	Xây dựng tuyến đường gồm 02 đoạn, có chiều dài khoảng 495m và cùng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ theo quy hoạch.	3118/QĐ-UBND, '4/10/2023	43.287	7.780	0	7.000	780	9562	2.562	15.000	15.000	15.000	Dự án đã thi công khoảng 35%, đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
8	Xây dựng tuyến đường giáp khu đầu giá 2,55 ha phường Phúc Diễn	1	Phúc Diễn	2023-2025	Xây dựng đồng bộ tuyến đường và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, chiều dài tuyến khoảng L=480m, mặt cắt ngang B=13m	1442/QĐ-UBND, '03/6/2023	29.030	6.329	0	5.000	1.329	16899	11.899	8.000	8.000	8.000	Dự án đã thi công khoảng 35%, đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
9	Xây dựng, nâng cấp đường từ đường Cầu Diễn (quốc lộ 32) đến đường Văn Tiến Dũng (qua trường Mầm non Phú Minh), Minh Khai	1	Minh Khai	2022-2024	L= 820 m, B=17,5 m	1475/QĐ-UBND, '7/6/2023	99.428	13.878	0	12.541	1.337	19666	7.125	30.000	30.000	30.000	Dự án đã thi công khoảng 60%, đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án
10	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch quanh phố Tân Phong đến đường Hoàng Quốc Việt Kéo dài	1	Thụy Phương	Giai đoạn 1: 2022-2024 Giai đoạn 2: 2024-2026	Xây dựng đồng bộ tuyến đường và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, có tổng chiều dài khoảng 660m gồm 02 tuyến: + Tuyến số 01: chiều dài tuyến khoảng L=160m, mặt cắt ngang B=21,25m + Tuyến số 02: chiều dài tuyến khoảng L=500m, mặt cắt ngang B=11,5m	3128/QĐ-UBND, '5/10/2023	113.968	4.791	0	3.000	1.791	8652	5.652	10.000	10.000	10.000	Dự án đã thi công khoảng 25% giai đoạn 1, ddang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án. Hiện đang chuẩn bị thực hiện giai đoạn 2 dự án
11	Cải tạo trường Tiểu học Cổ Nhuế 2A, phường Cổ Nhuế 2	1	Cổ Nhuế 2	2023-2025	+ Hạng mục phá dỡ: Phá dỡ khối nhà lớp học 3 tầng (nhà B) và nhà hiệu bộ 3 tầng. + Hạng mục cải tạo: Cải tạo khối nhà lớp học 3 tầng (Nhà A), khối nhà thể chất; Cải tạo các hạng mục phụ trợ gồm: cổng chính, sân trường, hệ thống cấp, thoát nước; bồn hoa, cây xanh... + Hạng mục xây mới: Xây mới 01 khối nhà lớp học kết hợp nhà hiệu bộ cao 3 tầng. + Mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, thiết bị PCCC	Số 2898/QĐ-UBND, '21/9/2022	60.169	49.095	0	29.000	20.095	53235	24.235	25.000	25.000	25.000	Dự án thi công 95%, dự kiến tháng 10 hoàn thành công trình đưa vào sử dụng

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế thanh toán đến thời điểm báo cáo				khối lượng đã thực hiện từ đầu khởi công đến nay (lưu ý tổng hợp khối lượng đã thanh toán và chưa thanh toán)		Đã bố trí kế hoạch vốn KH 2024	KH vốn dự kiến điều chỉnh năm 2024	Đề xuất sử dụng nguồn CCTL năm 2024	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Lũy kế đến hết năm 2022	TH năm 2023	TH 9 tháng 2024	Tổng	Trong đó: Năm 2024				
12	Xây dựng trường THCS Cổ Nhuế 2A	1	Cổ Nhuế 2	2023 – 2025	+ GPMB và san nền toàn bộ khu đất có diện tích khoảng 11.033 m2. + Xây dựng mới hoàn chỉnh trường THCS đạt chuẩn quốc gia với quy mô 45 phòng học và các phòng chức năng đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định; Xây dựng các hạng mục phụ trợ khác và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ... + Mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, thiết bị PCCC.	1476/QĐ-UBND, 07/6/2023	224.904	64.668	0	9.110	55.558	69352	60.242	65.000	65.000	65.000	Dự án đã hoàn thành 90% GPMB, hiện đang thi công 30% khối lượng
13	Xây dựng trường mầm non trong khu chức năng đô thị Tây Tựu (NT - 01)	1	Tây Tựu	2016-2024	San nền 8075m2; Xây dựng khối lớp học và khối nhà hiệu bộ 3 tầng, Diện tích xây dựng 2154m2; tổng diện tích sân 6385m2 và các hạng mục phụ trợ	6206/QĐ-UBND, 31/10/2019	97.524	75.840	74.840	0	1.000	76382	1.542	10.000	10.000	10.000	Dự án thi công 85%, dự kiến tháng 10 hoàn thành công trình đưa vào sử dụng
II Dự án mới		8					759.264	37.219	0	5.166	32.053	44.669	39.503	117.000	117.000	117.000	
1	Xây dựng, mở rộng tuyến phố Văn Trì theo quy hoạch	1	Minh Khai	2023-2025	Xây dựng tuyến có chiều dài khoảng 327,67m với quy mô mặt cắt ngang đường tuân thủ theo quy hoạch rộng >=17m cùng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ theo quy hoạch	2095/QĐ-UBND, 26/7/2023	64.219	5.981	0	4.596	1.385	7213	2.617	15.000	15.000	15.000	Dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư, đã khởi công thi công 15% khối lượng công việc
2	Xây dựng đường giao thông kết hợp cống thoát nước tuyến đường tổ dân phố 1, 2 phường Phúc Diễn	1	Phúc Diễn	2022-2025	L=765m, bề rộng mặt đường theo quy hoạch, xây dựng đồng bộ đường và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch	3520/QĐ-UBND, 31/10/2023	48.586	10.792	0	500	10.292	12532	12.032	20.000	20.000	20.000	Dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư, đã khởi công thi công 10% khối lượng công việc
3	Xây dựng tuyến đường nối đường Ao dài đến phố Văn Hội	1	Đức Thắng	2024-2027	Xây dựng đồng bộ tuyến đường và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, chiều dài tuyến khoảng L=500m, mặt cắt ngang B=15,5m	4328/QĐ-UBND, 20/12/2023	71.589	8.047		0	8.047	9021	9.021	20.000	20.000	20.000	Dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư, đã khởi công thi công 8% khối lượng công việc

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế thanh toán đến thời điểm báo cáo				khối lượng đã thực hiện từ đầu khởi công đến nay (lưu ý tổng hợp khối lượng đã thanh toán và chưa thanh toán)		Đã bố trí kế hoạch vốn KH 2024	KH vốn dự kiến điều chỉnh năm 2024	Đề xuất sử dụng nguồn CCTL năm 2024	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Lũy kế đến hết năm 2022	TH năm 2023	TH 9 tháng 2024	Tổng	Trong đó: Năm 2024				
4	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Hoàng Tăng Bí đi khu công nghiệp Nam Thăng Long (Công Liên Mạc 2)	1	Liên Mạc	Giai đoạn 1: 2023-2025 Giai đoạn 2: 2025-2027	Giai đoạn 1: Xây dựng đồng bộ tuyến đường theo quy hoạch có chiều dài khoảng 1.300m có quy mô mặt cắt ngang B=21,25m Giai đoạn 2: Xây dựng đồng bộ tuyến đường theo quy hoạch có chiều dài khoảng 200m có quy mô mặt cắt ngang B=21,25m; 01 cầu có kết cấu nhịp Lnhịp = 1x31,1m, bề rộng cầu Bcầu= 21,25m	1074/QĐ-UBND, '8/4/2024	357.177	2.916	0	0	2.916	4236	4.236	20.000	20.000	20.000	Dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư, dự kiến tháng 10/2024 khởi công công trình
5	Xây dựng đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long đi đê Hữu Hồng, phường Liên Mạc (Đoạn 2)	1	Liên Mạc	2024-2026	Xây dựng đồng bộ tuyến đường và hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, chiều dài tuyến khoảng 780 m, mặt cắt ngang B=20,5 m	1076/QĐ-UBND, '8/4/2024	112.080	1.455		70	1.385	2011	1.941	10.000	10.000	10.000	Dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư, dự kiến tháng 10/2024 khởi công công trình
6	Xây dựng tuyến đường kết nối trường TH Cổ Nhuế 1, THCS Cổ Nhuế 1 và khu đô thị Tây Hồ Tây	1	Cổ Nhuế 1	2024-2025		2541/QĐ-UBND, '17/6/2024	49.345	500		0	500	750	750	8.000	8.000	8.000	Dự án đang thực hiện thủ tục đầu tư, dự kiến tháng 11/2024 khởi công công trình
7	Cải tạo, chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Hạ 9, 10, 11 và 12; TDP số 1 và số 15, phường Tây Tựu	1	Tây Tựu	2024-2025	Cải tạo, chỉnh trang đường, hệ thống thoát nước gồm 44 tuyến có tổng chiều dài khoảng 2.799 m, bề rộng theo hiện trạng	2410/QĐ-UBND '12/6/2024	14.865	5.658	0	0	5.658	6555	6.555	9.000	9.000	9.000	Dự án đang thực hiện thủ tục đầu tư, dự kiến tháng 11/2024 khởi công công trình
8	Cải tạo, chỉnh trang trường tiểu học Minh Khai B, phường Minh Khai	1	Minh Khai	2021-2026	Phá dỡ nhà học 2 tầng Xây mới nhà học đa năng 3 tầng Cải tạo khối nhà cũ	4762/QĐ-UBND, '29/12/2023	41.403	1.870	0	0	1.870	2351	2.351	15.000	15.000	15.000	Dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư, dự kiến tháng 10/2024 khởi công công trình